

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Khắc Hưng

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Huỳnh T Dũng

2/ Bà Nguyễn Thị Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Trí – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị H - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án Nhân dân thành phố Thủ Đức, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 162/2022/TLST-HS ngày 18/5/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 304/QĐXXST-HS ngày 18/7/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 52/2022/HSST-QĐ ngày 28/7/2022 đối với bị cáo:

Lê Quang T, sinh năm 1951; Nơi sinh: tại tỉnh Quảng Ngãi; Thường trú: A Lạc Long Quân, Phường B, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; Cư trú: A Bắc Sơn, Phường B, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; Nghề nghiệp: không; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê T và bà Nguyễn Thị H (đều đã chết); Có vợ Nguyễn Thị V và 05 con; Tiền án: không; Tiền sự: không; Bị bắt theo lệnh truy nã ngày 30/12/2021, được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 31/12/2022 cho đến nay (có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo có luật sư Lâm Quốc Việt, sinh năm 1965, thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- *Người bị hại:* Ông Hồ Thái T, sinh năm: 1963 và bà Võ Thị H, sinh năm 1965.

Cùng địa chỉ: A Kha Vạn Cân, khu phố B, phường C, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Năm 2013, Lê Quang T (sinh năm 1951) làm nghề thợ mộc tại phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức (nay là thành phố Thủ Đức) và thường xuyên đến quán cháo gà của vợ chồng anh Hồ Thái T và chị Võ Thị H tại địa chỉ 353 đường Kha Vạn Cân, khu phố 6, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức ăn nhậu. T thường nói chuyện với vợ chồng của anh T và chị H là chủ quán và biết được gia đình anh T đang muốn xin cho con tên Hồ Vũ Quang Tiên được học ở trường Lục Quân 2. Lúc này, T nảy sinh ý định lừa dối vợ chồng anh T để lấy tiền tiêu xài cá nhân nên T nói dối là có quen bạn làm ở Tổng cục 2 Bộ Quốc phòng, trụ sở tại Thành phố Hồ Chí Minh, nên T xin được cho con của chị H vào học tại trường Lục Quân 2 nhưng phải lo chi phí với số tiền 100.000.000 đồng. Do tin tưởng lời nói của T nên anh T và chị H đồng ý và đã chuyển tiền cho T 03 lần tiền như sau:

Lần thứ nhất: Vào ngày 04/3/2013, T đến quán cháo gà của vợ chồng anh T gặp chị H, chị H đưa cho T 10.000.000 đồng.

Lần thứ 2: Vào ngày 14/3/2013, T nói chị H chuyển khoản 15.000.000 đồng vào số tài khoản 6090205072281 tên Lê Quang T tại ngân hàng Agribank. Chị H đến ngân hàng Agribank chi nhánh Bình Triệu, quận Thủ Đức chuyển khoản vào số tài khoản 6090205072281 của T số tiền 15.000.000 đồng.

Lần thứ 3: Vào ngày 23/3/2013, T đến quán cháo gà của anh T và nhận số tiền 25.000.000 đồng từ chị H. T viết giấy biên nhận với anh T đã nhận đủ 50.000.000 đồng rồi sử dụng tiền tiêu xài cá nhân và tránh mặt vợ chồng anh T. T không đến quán của anh T và chị H nữa mà thuê nhà nhiều nơi để vợ chồng anh T không tìm ra T.

Anh T và chị H sau khi đưa tổng cộng 50.000.000 đồng cho T thì không liên lạc được với T, nên đến ngày 06/8/2013, anh T đến Công an phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức trình báo.

Ngày 09/12/2013, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an quận Thủ Đức ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can và ra Lệnh bắt để tạm giam Lê Quang T. Do T bỏ trốn nên ngày 20/02/2014, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an quận Thủ Đức ra Quyết định truy nã Lê Quang T. Ngày 30/12/2021, Công an phường 11, thành phố Vũng Tàu bắt Lê Quang T theo Quyết định truy nã.

Tại Cơ quan Điều tra, Lê Quang T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên.

Vật chứng của vụ án: 01 tờ giấy biên nhận tiền 50.000.000 đồng có ký nhận của Lê Quang T.

Trách nhiệm dân sự:

Bị cáo đã bồi thường cho bị hại 50.000.000 đồng, người bị hại không có yêu cầu gì khác và đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại bản Cáo trạng số 170/CT – VKS ngày 16/5/2022, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức đã truy tố bị cáo Lê Quang T về tội “*Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân thành phố Thủ Đức phát biểu ý kiến giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về tội: “*Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm e khoản 2 Điều 139; Điểm b, m, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 đề nghị xử phạt bị cáo Lê Quang T từ 02 năm tù đến 02 năm 06 tháng tù.

Người bào chữa phát biểu:

Thống nhất về tội danh, khung hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hành vi của bị cáo đã thực hiện từ lâu, tại thời điểm xét xử bị cáo đã là người già, sức khỏe yếu; Bị cáo đã thể hiện thái độ

ăn năn, hối cải; Đã bồi thường và được bị hại bãi nại; Bị hại cũng có một phần lỗi khi là người khởi sự dẫn đến hành vi phạm tội của bị cáo; Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng ổn định nên đề nghị áp dụng điểm b, s, o khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 để cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Đức, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng, các hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp. Tuy nhiên, việc bị cáo bị bắt ngày 30/12/2021 theo Quyết định truy nã nhưng lại được áp dụng biện pháp ngăn chặn Theo lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 31/12/2021 là không đúng theo quy định tại điểm a khoản 4, Điều 119 Bộ luật tố tụng Hình sự. Ngoài ra, quá trình tố tụng đã không kịp thời phát hiện và khởi tố dấu hiệu của hành vi đưa hối lộ của Hồ Thái T và Võ Thị H dẫn đến hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự.

[2] Về nội dung:

Căn cứ lời khai nhận tội của bị cáo tại Cơ quan điều tra, tại phiên tòa và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ xác định: Vào tháng 3/2013, Lê Quang T đã thực hiện hành vi gian dối để chiếm đoạt số tiền 50.000.000 đồng của anh Hồ Thái T và chị Võ Thị H tại phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh, đến ngày 30/12/2021 thì bị bắt giữ.

Hành vi phạm tội của bị cáo Lê Quang T xảy ra trước ngày Bộ luật Hình sự năm 2015 có hiệu lực từ ngày 01/01/2018. Căn cứ Nghị quyết số 41/2017 ngày

20/6/2017 của Quốc Hội để áp dụng những quy định pháp luật có lợi cho bị cáo. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức đề nghị áp dụng Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 để xét xử bị cáo là có cơ sở.

Do vậy, hành vi nêu trên của bị cáo Lê Quang T đã phạm vào tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, thuộc trường hợp quy định tại điểm e khoản 2 Điều 139 của Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, xâm phạm đến khách thể là quyền sở hữu hợp pháp đối với tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, sau khi thực hiện hành vi phạm tội bỏ trốn và đã bị các cơ quan T hành tố tụng bắt theo lệnh truy nã. Nên cần xử phạt bị cáo một hình phạt nghiêm mới đủ tác dụng giáo dục và phòng ngừa.

Đối với hành vi đưa hối lộ của Hồ Thái T và Võ Thị H xảy ra từ tháng 3/2013, trước ngày Bộ luật Hình sự năm 2015 có hiệu lực từ ngày 01/01/2018. Căn cứ Nghị quyết số 41/2017 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội để áp dụng những quy định pháp luật có lợi cho các đối tượng. Quá trình tố tụng cho đến nay đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự đối với T và H. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức áp dụng Điều 27 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 để không truy cứu trách nhiệm hình sự là có cơ sở.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

- Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.
- Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình tố tụng, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, được bị hại đề nghị giảm nhẹ hình phạt; Bị cáo hiện là người già; đang điều trị bệnh và khó khăn trong việc đi lại là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm b, m, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 nên cần giảm cho bị cáo một phần hình phạt mà lẽ ra bị cáo phải chịu.

[4] Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự:

Người bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì nên được ghi nhận.

[5] Về án phí:

Bị cáo sinh năm 1951, là người cao tuổi và có yêu cầu được miễn án phí nên thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

1- Căn cứ điểm e khoản 2 Điều 139; Điểm b, m, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

- Tuyên bố bị cáo Lê Quang T phạm tội “*Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

- Xử phạt bị cáo Lê Quang T: 02 (hai) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án hoặc bị bắt thi hành án, được trừ đi thời gian tạm giam, tạm giữ từ ngày 30/12/2021 đến ngày 31/12/2021.

2- Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Lưu kèm theo hồ sơ vụ án: 01 tờ giấy biên nhận tiền 50.000.000 đồng có ký nhận của Lê Quang T.

3- Về án phí:

Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án để tính án phí Tòa án.

Bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

4- Về quyền kháng cáo:

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo có quyền kháng cáo bản án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7, Điều 9 Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- VKSND TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND TP.Thủ Đức;
- Cơ quan CSĐT Công an TP.Thủ Đức;
- Nhà tạm giữ Công an TP.Thủ Đức;
- Cơ quan THA.HS Công an TP.Thủ Đức;
- Chi cục THA.DS thành phố Thủ Đức;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đinh Khắc Hưng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- VKSND TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND TP.Thủ Đức;
- Cơ quan CSĐT Công an TP.Thủ Đức;
- Nhà tạm giữ Công an TP.Thủ Đức;
- Cơ quan THA.HS Công an TP.Thủ Đức;
- Chi cục THA.DS thành phố Thủ Đức;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đinh Khắc Hưng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**